

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1238/QĐ-UBND.HC

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Tháp
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1483/2011/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 12/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Văn bản số 1042/SCT-QLCN ngày 20/12/2012; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1887/SKH-ĐT/TH ngày 18/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Quan điểm phát triển

- Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phù hợp với tiềm năng, đặc điểm của địa phương, có tính đến liên kết với các tỉnh lân cận nhằm tránh đầu tư trùng lặp.

- Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ hướng vào phục vụ các ngành công nghiệp trên địa bàn và cả nước.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu chung đến 2020

- Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm từ 15% đến 16%/năm trong giai đoạn 2011-2015 và từ 18% đến 20%/năm trong giai đoạn 2016-2020, bình quân tăng từ 17% đến 18%/năm trong giai đoạn 2011-2020.

- Công nghiệp hỗ trợ chiếm trên 2% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành.

- Tỷ lệ lao động công nghiệp qua đào tạo đạt trên 75% vào năm 2020.

- Tỷ lệ đổi mới công nghệ và trang thiết bị trên 25%/năm.

2. Mục tiêu từng ngành, lĩnh vực đến năm 2020

a) Lĩnh vực cơ khí chế tạo

Phát triển đa dạng các mặt hàng với công nghệ và độ đa dụng gia tăng dần (từ sản xuất linh phụ kiện phục vụ máy nông nghiệp, máy xay xát chế biến nông, thủy sản lên các mặt hàng công nghiệp phụ trợ, một số mặt hàng cơ khí gia dụng); thu hút đầu tư các doanh nghiệp lớn chuyên về cơ khí chế tạo và các công ty vệ tinh cung ứng nguyên phụ liệu. Trong điều kiện thuận lợi, phần đầu thu hút đầu tư 1 công ty mẹ chuyên lắp ráp máy nông nghiệp hoặc máy xay xát, máy chế biến nông, thủy sản.

b) Lĩnh vực nhựa

Phát triển đa dạng các sản phẩm, mẫu mã, trong đó chủ lực là bao bì; tiến đến phát triển lĩnh vực linh kiện nhựa cao cấp và các công nghệ hỗ trợ ngành bao bì (mẫu mã, in).

c) Lĩnh vực điện tử - tin học

Phần đầu đến cuối thời kỳ chuẩn bị hình thành 1-2 nhà máy chuyên sản xuất linh kiện.

III. Định hướng phát triển

1. Định hướng phát triển chung

- Rà soát, phân loại các doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyên công nghiệp hỗ trợ, xây dựng kế hoạch hỗ trợ cải thiện điều kiện sản xuất, công nghệ, tăng hiệu quả. Điều tra và xây dựng kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp lớn trong các lĩnh vực chế biến, xay xát gạo, chế biến thủy sản, dược phẩm, sản phẩm cơ khí nông nghiệp có nhu cầu phát triển các phân xưởng, mô đun chuyên công nghiệp hỗ trợ.

- Khuyến khích đổi mới công nghệ, tổ chức thị trường, tiêu chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng công nghiệp hỗ trợ.

- Đẩy mạnh khuyến công trong lĩnh vực hỗ trợ đổi mới trang thiết bị và công nghệ cho các cơ sở sản xuất; phổ biến các thông tin về khoa học, kỹ thuật

và thị trường; tạo điều kiện phát triển mạnh các dịch vụ tư vấn, thẩm định, cải tiến thích nghi và triển khai các công nghệ mới.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu về công nghiệp hỗ trợ.

- Triển khai các cơ chế chính sách, cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

2. Định hướng phát triển từng ngành, từng lĩnh vực trọng điểm

a) Lĩnh vực cơ khí chế tạo

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chiều sâu tại các cơ sở cơ khí chế tạo hiện có, nâng cao năng lực đúc, rèn, tạo phôi lớn, xử lý bề mặt; cung cấp linh kiện và bán thành phẩm đạt tiêu chuẩn cho sản xuất cơ khí nông nghiệp; chế tạo linh kiện cho công nghiệp xây sát, chế biến nông, thủy sản; tiến đến phát triển lĩnh vực thiết bị đồng bộ, máy công cụ chế biến, máy móc xây dựng, dụng cụ đo lường.

- Thu hút đầu tư FDI vào các lĩnh vực cơ khí chế tạo phục vụ linh kiện cho đóng tàu, logistics, chế tạo phụ tùng cho thiết bị đồng bộ, hàng gia dụng và chuyên dùng, máy công cụ chế biến, trong đó tập trung vào các lĩnh vực sản xuất công nghệ cao và sản xuất chi tiết quy chuẩn chất lượng cao.

b) Lĩnh vực nhựa

- Hỗ trợ nâng cao công nghệ, cải tiến thiết bị và mẫu mã cho các doanh nghiệp hiện có; phát triển lĩnh vực bao bì phục vụ các ngành chế biến gạo và nông sản, chế biến thủy sản, dược phẩm kết hợp với phát triển công nghệ in.

- Thu hút đầu tư phát triển các doanh nghiệp chuyên sản xuất các linh kiện nhựa cao cấp phục vụ công nghiệp cơ khí lắp ráp, điện - điện tử.

c) Lĩnh vực điện tử - tin học

- Thu hút đầu tư các cơ sở lắp ráp gia công về điện - điện tử, từng bước nâng cao độ phức tạp của sản phẩm lắp ráp.

- Tìm kiếm, thu hút vốn đầu tư và công nghệ mới của các công ty, tập đoàn đa quốc gia trong việc phát triển sản xuất linh phụ kiện điện - điện tử.

IV. Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư

(phụ lục kèm theo)

V. Các giải pháp chủ yếu thực hiện

1. Giải pháp về môi trường đầu tư, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh

- Tạo điều kiện thuận lợi đối với công tác thẩm định dự án, cấp giấy phép đầu tư (có quy trình cụ thể), thỏa thuận địa điểm cấp đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, cấp giấy phép xây dựng.

- Xác định phân khu chuyên công nghiệp hỗ trợ trong các khu, cụm công nghiệp, tiếp tục kiến nghị Trung ương ban hành các chính sách áp dụng cho các phân khu chuyên công nghiệp hỗ trợ.

- Triển khai hệ thống chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ; quan tâm các biện pháp hỗ trợ đối với các doanh nghiệp có nhu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất các mặt hàng đặc thù, thế mạnh.

- Tạo điều kiện phát triển các khu dân cư, khu thương mại, vui chơi giải trí và các dịch vụ dân sinh khác phục vụ các chủ đầu tư, chuyên gia FDI.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư.

- Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ-triển lãm trong nước và quốc tế, tìm cơ hội liên doanh, liên kết, hợp tác. Tham quan, học tập mô hình, kinh nghiệm của các tỉnh, thành phố và liên kết phát triển.

2. Giải pháp khoa học-công nghệ

- Triển khai thực hiện các chương trình ứng dụng công nghệ vào sản xuất, bao gồm nghiên cứu thích nghi và cải tiến các công nghệ, thiết bị nhập đối với công nghệ cơ khí chính xác, công nghệ điện tự động, công nghệ điện tử.

- Hỗ trợ, khuyến khích hình thành các doanh nghiệp khoa học-công nghệ chuyên về tư vấn, thẩm định, cải tiến, ứng dụng thích nghi công nghệ. Hình thành bộ phận thẩm định công nghệ các dự án đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ.

- Làm tốt quản lý nhà nước về khoa học-công nghệ như tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng, phân tích-kiểm định, sở hữu công nghệ, sở hữu trí tuệ, thông tin khoa học-công nghệ. Hỗ trợ tiêu chuẩn hóa ISO, HACCP, GMP, SA,... cho các doanh nghiệp. Áp dụng các mô hình tiên tiến như sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng.

- Tăng cường mối liên hệ với các cơ quan khoa học, bộ phận R&D (nghiên cứu và phát triển) của công ty mẹ; hỗ trợ việc thành lập bộ phận R&D cho các công ty có nhu cầu nghiên cứu phát triển.

- Thực hiện giới thiệu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ sản xuất trong nước trên các chợ giao dịch công nghệ.

3. Giải pháp về kết cấu hạ tầng

- Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông (các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, cảng), trong đó chú trọng QL.30, QL.54, cảng Trần Quốc Toàn, cảng Sa Đéc,... Phát triển mạnh lĩnh vực logistics tại thành phố Cao Lãnh, thị xã Sa Đéc và các huyện, thị có điều kiện thuận lợi.

- Tập trung xây dựng 5 phân khu tại 5 khu, cụm công nghiệp (Tân Kiều – huyện Tháp Mười, Trần Quốc Toàn – thành phố Cao Lãnh, Sa Đéc mở rộng – thị xã Sa Đéc, Sông Hậu – huyện Lai Vung, IDI – huyện Lấp Vò) với tổng diện tích khoảng 70 ha. Các phân khu công nghiệp chuyên công nghiệp hỗ trợ cần có thiết kế phân lô (có diện tích từ 1.000 m² đến 5.000 m²) và các hạ tầng phù hợp.

- Quy hoạch và kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực khu dân cư, khu thương mại, khu vui chơi giải trí để đáp ứng nhu cầu cư trú, sinh hoạt của chủ đầu tư và các chuyên viên gia.

4. Giải pháp về đào tạo và thu hút nguồn nhân lực

- Các trường dạy nghề nghiên cứu cải thiện giáo trình hoặc tăng thêm các chuyên đề về ngành thiết kế (kiểu dáng công nghiệp, mẫu mã), chế tạo máy, luyện kim, điều khiển tự động, điện tử-tin học. Trao đổi thông tin và liên kết giữa các doanh nghiệp với Sở Công Thương, các trường dạy nghề nhằm đổi mới

công nghệ và phát triển hệ thống đào tạo theo công việc với đặt hàng của các doanh nghiệp.

- Tích cực quan hệ với các công ty mẹ, các tập đoàn đầu tư trên địa bàn để tranh thủ nguồn hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hỗ trợ.

- Lập chế độ tư vấn kỹ thuật và quản lý để mời các chuyên gia giúp thay đổi công nghệ và cơ chế quản lý tại các doanh nghiệp trọng điểm.

5. Giải pháp về liên kết đầu tư kết hợp với thị trường

- Kết nối các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (công ty mẹ và các doanh nghiệp vệ tinh) với các doanh nghiệp trong tỉnh; tư vấn hỗ trợ trong việc thương thảo, ký kết hợp đồng kinh tế giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Điều tra, khảo sát, thiết lập mối quan hệ và xây dựng các chương trình hợp tác dài hạn với các đối tác chiến lược (công ty, tập đoàn đa quốc gia) trong và ngoài nước về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và website về danh mục các doanh nghiệp sản xuất linh phụ kiện, sản phẩm hỗ trợ, nhu cầu hợp tác, liên kết, các ưu đãi, hỗ trợ; xây dựng bộ phận giới thiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Củng cố và nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành, nghề.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm và xây dựng chuỗi liên kết sản xuất.

6. Giải pháp về nguyên liệu

- Liên kết các doanh nghiệp hiện có trên địa bàn nhằm xây dựng hệ thống liên kết sản xuất và cung ứng nguyên liệu trong chuỗi sản xuất với giá thành tối ưu.

- Liên kết gia công với các công ty mẹ, tập đoàn trong hệ thống công nghiệp hỗ trợ nhằm có được nguyên liệu với mức giá và độ ổn định tốt nhất.

7. Giải pháp về tài chính

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể dễ dàng tiếp cận được với nguồn vốn vay dài hạn cho đầu tư phát triển. Xây dựng và đề xuất danh mục các sản phẩm và phân khu công nghiệp hỗ trợ cần ưu đãi.

- Tăng cường tiềm lực quỹ khuyến công, quỹ phát triển khoa học-công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Tranh thủ nguồn vốn ODA để hỗ trợ đào tạo lao động, xây dựng thể chế pháp lý và nguồn vốn hỗ trợ các chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, chương trình hợp tác với các công ty đa quốc gia.

8. Giải pháp về môi trường

- Khuyến khích di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc doanh nghiệp vừa và nhỏ vào các phân khu chuyên ngành hoặc di dời các chi nhánh, phân mở rộng sinh nhiều phát thải vào các phân khu chuyên ngành.

- Quản lý 100% cơ sở sản xuất công nghiệp vào diện kiểm soát môi trường. Thường xuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra về xử lý chất thải, nước thải nhằm bảo vệ môi trường. Khuyến khích và tạo điều kiện đổi mới công nghệ hạn

chế gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với các phân khu công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tập trung chuyên công nghiệp hỗ trợ, phải xây dựng hệ thống xử lý chất thải đồng bộ với kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp và phải vận hành hệ thống ngay trước khi khu, cụm công nghiệp khởi động.

- Thành lập Tổ chuyên viên thẩm định công nghệ để xem xét và chọn lọc thu hút các loại hình đầu tư có hàm lượng công nghệ cao, ít gây tác động môi trường.

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Công Thương là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố liên quan triển khai thực hiện quy hoạch; xây dựng kế hoạch 05 năm và hàng năm với các giải pháp đồng bộ để thực hiện; xây dựng chương trình hành động cụ thể theo phân công nhiệm vụ trong quy hoạch để triển khai thực hiện, có trách nhiệm lồng ghép các mục tiêu, định hướng của quy hoạch trong các kế hoạch, chương trình mục tiêu và dự án phát triển công nghiệp của tỉnh; giám sát thực hiện quy hoạch; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương.

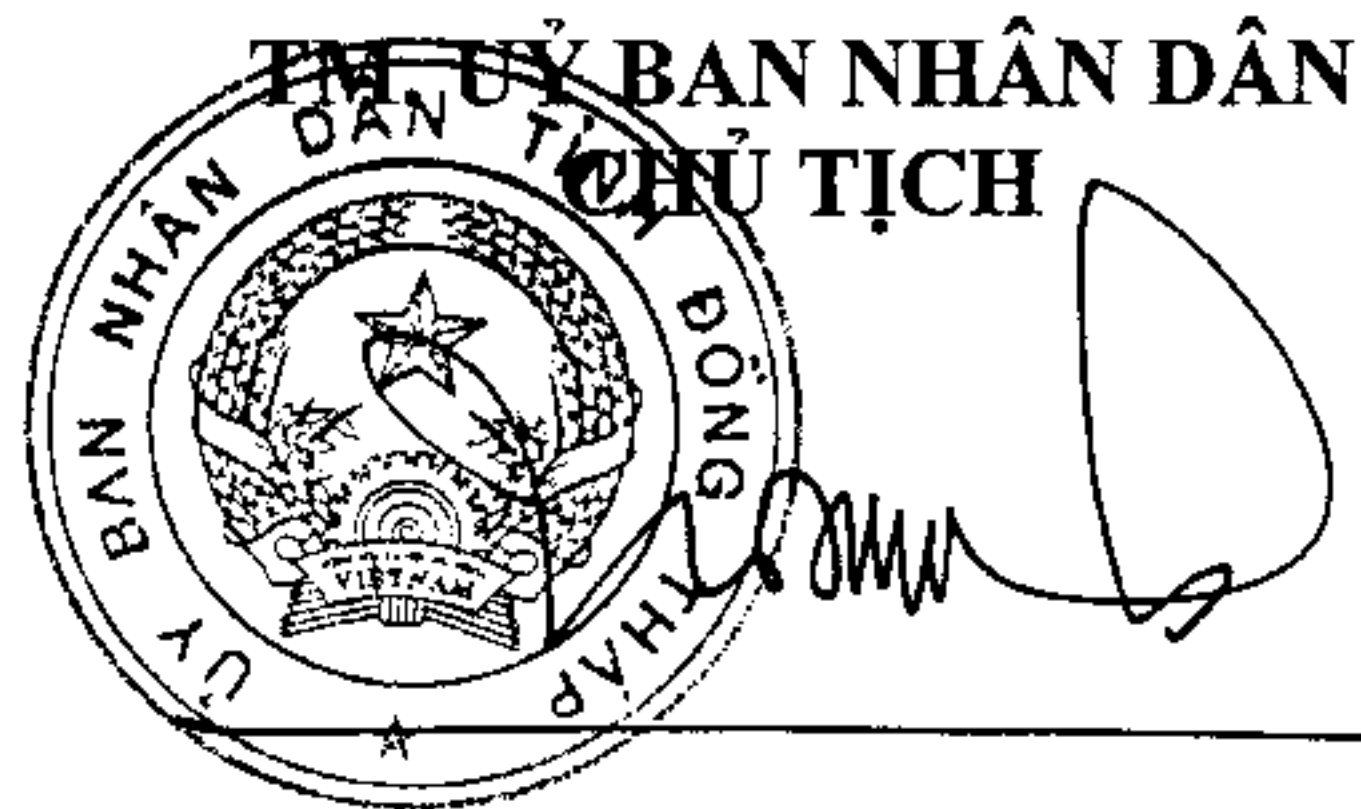
2. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, hỗ trợ trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

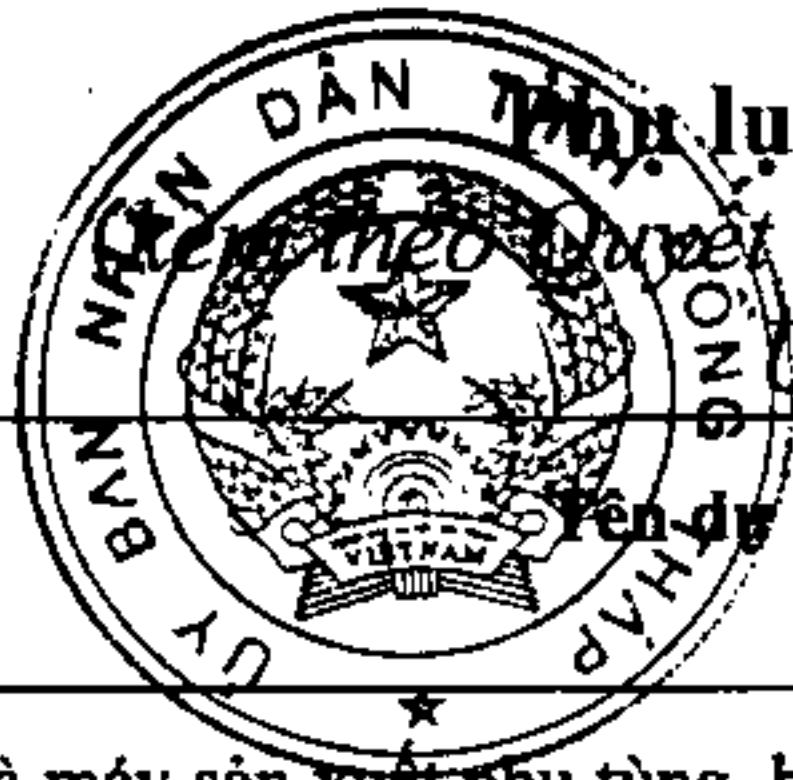
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Như Điều 3;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH. LVV.



Lê Minh Hoan



Phụ lục Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư
theo Quyết định số 1238/QĐ-UBND.HC ngày 27/12/2012 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên dự án	Dự án mới	Công suất	Dự án mở rộng	Công suất
1	Nhà máy sản xuất phụ tùng, bộ phận cho phương tiện giao thông thủy	2016-2018	10.000 sản phẩm/năm	2020-2025	10.000 sản phẩm/năm
2	Nhà máy sản xuất các sản phẩm cơ khí	2013-2016	25.000T/năm	2013-2016	25.000T/năm
3	Nhà máy đúc	2017-2018	1.000 T/năm		
4	Nhà máy sản xuất phụ tùng, chi tiết máy có độ chính xác	2016-2018	5.000 sản phẩm/năm	2021-2025	5.000 sản phẩm/năm
5	Nhà máy sản xuất bạc đạn các loại	2015-2017	3.000 cái/năm	2018-2022	3.000 cái/năm
6	Nhà máy sản xuất bù lông, ốc, vít các loại	2016-2018	600.000 sản phẩm/năm	2019-2020	1.200.000
7	Nhà máy sản xuất khuôn mẫu các loại	2015-2016	2.000 cái/năm	2019-2020	3.000 cái/năm
8	Nhà máy sản khung nhôm, sắt định hình	2015-2017	2.000 T/năm	2018-2019	2.000 T/năm
9	Nhà máy gia công cơ khí phục vụ ngành chế biến thủy sản	2016-2018	1.000 T/năm		
10	Nhà máy sản xuất dụng cụ, linh kiện điện	2014-2016	5 triệu sản phẩm/năm	2014-2016	5 triệu sản phẩm/năm
11	Nhà máy sản xuất quạt điện	2013-2015	300.000 sản phẩm/năm	2013-2015	300.000 sản phẩm/năm
12	Nhà máy sản xuất bao bì các loại nhựa	2014-2015	3.000 T/năm	2014-2015	3.000 T/năm
13	Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa tiêu dùng	2016-2018	500 T/năm		
14	Nhà máy lắp ráp và chế tạo hàng điện tử	2013-2015	60.000 sản phẩm/năm	2016-2017	60.000 sản phẩm/năm
15	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử	2016-2018	1 triệu sản phẩm/năm	2020-2022	1 triệu sản phẩm/năm
16	Phân khu trong cụm công nghiệp IDI		15 ha		
17	Phân khu trong khu công nghiệp Tân Kiều		10 ha		
18	Phân khu trong khu công nghiệp Sa Đéc		15 ha		
19	Phân khu trong khu công nghiệp Trần Quốc Toản		10 ha		
20	Phân khu trong khu công nghiệp Sông Hậu		20 ha		